

Bản án số: 49/2021/HNGĐ-ST

Ngày 31 – 3 – 2021

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tiêu Hồng Phụng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Lê Hồng Quí

Ông Đặng Hoàng Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 542/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị A S, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Quốc Lộ 63, Khóm 3, phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

**- Bị đơn:** Anh Trần Văn Ng, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Ấp 2, xã Tân Lộc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 26/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị A S trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn Ng kết hôn năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi vã nhau và anh Ng không quan tâm đến chị. Chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh Ng được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ng.

Về con chung: Chị và anh Ng không có con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh Ng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị S xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án trực tiếp tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Trần Văn Ng, hai lần thông báo hòa giải và hai lần triệu tập xét xử nhưng anh Ng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị S, không tham gia hòa giải và xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Ng.

[2] Về hôn nhân: Chị S với anh Ng tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2020. Tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị A S với anh Trần Văn Ng được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị S xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Ng không quan tâm lo lắng gì đến chị, sống không hạnh phúc và vợ chồng đã ly thân nhau. Tại phiên tòa chị S xác định không còn tình cảm với anh Ng và cũng không thể tiếp tục chung sống với anh Ng được nữa nên vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh Ng; đối với anh Trần Văn Ng, mặc dù đã biết được nội dung khởi kiện xin ly hôn của chị S nhưng anh Ng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị S, điều này cho thấy anh Ng đã không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này nữa. Từ đó cho thấy hôn nhân của chị S với anh Ng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị S, cho chị S được ly hôn với anh Ng là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị S xác định không có con chung; đối với anh Ng không có ý kiến gì về con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị S xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với anh Ng không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị A S phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A S. Cho chị Nguyễn Thị A S được ly hôn với anh Trần Văn Ng.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0011422 ngày 29/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình; chị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Chị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Ng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Tiêu Hồng Phụng**